|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Lifecycle hooks   **Trình tự vòng đời**  https://images.viblo.asia/4a2dc72f-f6f7-458b-95e6-9c1ec72a337c.png  1.Constuctor: hàm khởi tạo, chạy đầu tiên  2.ngOnchanges: sau contructor  3.ngOninit ( initialize: khởi nguyên)  4.ngOnDestroy: Khi components hủy   | **Hook** | **Mục đích & thời điểm** | | --- | --- | | ngOnChanges() | Thự thi khi Angular thiết lập các thuộc tính đầu vào ràng buộc dữ liệu. Được gọi trước ngOnInit() và bất cứ khi nào một hoặc nhiều thuộc tính đầu vào ràng buộc dữ liệu thay đổi. | | ngOnInit() | Khởi tạo directive / component sau khi Angular hiển thị các thuộc tính ràng buộc dữ liệu và đặt các thuộc tính đầu vào của directive / component. Được gọi một lần, sau ngOnChanges() đầu tiên. | | ngDoCheck() | Phát hiện và hành động theo những thay đổi mà Angular không thể hoặc sẽ không tự mình phát hiện. Được gọi trong mỗi lần chạy phát hiện thay đổi, ngay sau ngOnChanges() và ngOnInit(). | | ngAfterContentInit() | Thự thi sau khi Angular thêm nội dung bên ngoài vào view của component / view mà directive được đưa vào. Được gọi một lần sau ngDoCheck() đầu tiên. | | ngAfterContentChecked() | Thự thi sau khi Angular đã kiểm tra nội dung bên ngoài đã được đưa vào view của component. Được gọi sau ngAfterContentInit() và mọi ngDoCheck() tiếp theo. | | ngAfterViewInit() | Thự thi sau khi Angular khởi tạo các view của component và các view con / view mà directive được đưa vào. Được gọi một lần sau ngAfterContentChecked() đầu tiên. | | ngAfterViewChecked() | Thực thi sau khi Angular kiểm tra các view của component và các view con /view mà directive được đưa vào. Được gọi sau ngAfterViewInit() và mọi ngAfterContentChecked() tiếp theo. | | ngOnDestroy() | Dọn dẹp ngay trước khi Angular phá hủy directive / component. Hủy đăng ký Observables và tách trình xử lý sự kiện để tránh rò rỉ bộ nhớ. Được gọi ngay trước khi Angular phá hủy directive / component,  Đổi router thì components trước sẽ hủy,  Khởi cái components mới (của module khác) |   NgIf  Sử dụng khi muốn thêm hoặc xóa bỏ một phần tử khi render. Ví dụ: hiển thị thông báo lỗi khi người dùng nhập form chưa đúng.  Cú pháp:  <h2 \*ngIf="printable">{{ message }}</h2>  Lưu ý: đừng quên dấu \* phía trước ngIf directive  Cú pháp:  \*ngIf = “<tên biến| hàm : kiểu trả là *true*/*false*”>  Vị trí: được ở thẻ mở một components bất kì  Giá trị = true : Hiện ; và ngược lại.  Ứng dụng: Ẩn/ hiện components trong xử lý,…  NgFor  Sử dụng khi muốn render một list các phần tử. Ví dụ: render list các bài học trong một series chẳng hạn.  Cú pháp: \*ngFor=”let <tên biến đại điện> of <tên danh sách>”  Vị trí: đặt ở thẻ mở của components  Giá trị: tùy mỗi phần tử của mảng có kiểu dữ liệu là gì.  Thẻ button:  Value: chứa giá trị của nút đó ( có kiểu là object)  Object ( có thể số, có thể chữ, có thể class mà mình tự đinh nghĩa, any)  (click), (dblclick),  Bài tập:   * Viết chương trình đặt món ăn sử dụng mat-select, mat-list, mat-button, có dạng như vẽ. * Nếu khách không chọn: show 1 cái thông * Nếu trên 100k thì giá tiền phải trả giảm 10%   https://images.foody.vn/images/Datmon.jpg |